

## Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

#### Mục 1: Yêu cầu về kỹ thuật:

##### 1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm xe cứu thương năm 2025.
- Tên dự toán: Mua sắm xe cứu thương năm 2025
- Địa điểm: 89 Nguyễn Huệ, Phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, qua mạng.

- Yêu cầu về Cung cấp hàng hóa: Chi tiết tại Mẫu số 01A Chương IV – Biểu mẫu mời thầu và dự thầu của E – HSMT.

##### 1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

###### 1.2.1. Yêu cầu chung:

Toàn bộ hàng hóa là hàng mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau.

###### 1.2.2. Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

Nhà thầu phải cung cấp bản tóm tắt thông số kỹ thuật để chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn cũng như yêu cầu của E-HSMT.

*- Nhà thầu lưu ý cần phải lập bảng tóm tắt liệt kê và đánh số các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn của các hàng hóa dự thầu theo đúng chỉ mục, thứ tự như bảng tiêu chuẩn bên dưới. Bất kì thông số nào nhà thầu không kê khai hoặc kê khai thiếu sót sẽ được xem là hàng hóa không đáp ứng thông số đó. Nếu thông số nào hàng hóa không có thì nhà thầu ghi là “không có”.*

*- Tên hàng hóa cần ghi rõ cả model và hãng sản xuất mà nhà thầu chào thầu.*

#### **Bảng yêu cầu kỹ thuật đối với các hàng hóa như sau:**

Stt	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật của hàng hoá
1	Xe cứu thương	<b>A. THÔNG SỐ KỸ THUẬT</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu xe Màu trắng đã được nhiệt đới hoá.</li> <li>- Kích thước tổng thể: D x R x C: 5.380 x 1.880 x 2.340 mm</li> <li>- Trọng lượng toàn tải: 3.200 kg</li> <li>- Chiều dài cơ sở: 3.110 mm</li> <li>- Khoảng sáng gầm xe: 185 mm</li> <li>- Bán kính vòng quay tối thiểu: 6.2 m</li> <li>- Công suất cực đại: 111 Kw / 4.800 rpm</li> <li>- Mô men xoắn cực đại: 241 Nm / 3800 rpm</li> <li>- Kiểu động cơ: 16 - Valve, DOHC, VVT-i, 4 xy lanh</li> <li>- Dung tích động cơ <math>\geq 2.7L</math> (2.694 cc)</li> <li>- Tỷ số nén của động cơ: 9.6</li> <li>- Dung tích bình nhiên liệu <math>\geq 70</math> lít</li> <li>- Nhiên liệu tiêu thụ: Xăng không pha chì</li> <li>- Hộp số <math>\geq 5</math> số sàn</li> <li>- Hệ thống phanh trước Phanh đĩa</li> <li>- Hệ thống phanh sau Tang trống</li> <li>- Hệ thống tay lái Tay lái thuận, có trợ lực</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lớp xe: Lớp không săm</li> <li>- Bộ khởi động: Điện</li> <li>- Hệ thống treo trước: Double wishbone</li> <li>- Hệ thống treo sau: Leaf springs</li> <li>- Chất liệu thân xe: Thép chống ăn mòn (Anti-corrosion steel sheet)</li> <li>- Chất liệu sàn xe: Chất liệu chuyên dùng Plywood và Linoleum</li> </ul> <p><b>B. CÁC PHỤ KIỆN TIÊU CHUẨN KÈM THEO GỒM:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều hoà nhiệt độ (Trước, sau): 01 bộ</li> <li>- Hệ thống sưởi ấm phía trước: 01 bộ</li> <li>- Cửa sổ điều khiển điện: 01 bộ</li> <li>- Túi khí bảo vệ lái xe và người ngồi phía trước: 01 bộ</li> <li>- Khoá cửa trung tâm: 01 bộ</li> <li>- Điều khiển từ xa, tích hợp trên 2 chìa khoá: 01 bộ</li> <li>- Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) : 01 bộ</li> <li>- Hệ thống kiểm soát độ ổn định xe (VSC) : 01 bộ</li> <li>- Hệ thống hỗ trợ lực phanh (BA) : 01 bộ</li> <li>- Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HAC) : 01 bộ</li> <li>- Hệ thống kiểm soát độ bám đường chủ động (TRC) : 01 bộ</li> <li>- Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS: 01 bộ</li> <li>- Đồng hồ hiển thị tốc độ: 01 bộ</li> <li>- Đồng hồ báo nhiệt độ máy: 01 bộ</li> <li>- Đồng hồ báo mức nhiên liệu: 01 bộ</li> <li>- AM/FM Radio, ổ đĩa CD, 2 loa: 01 bộ</li> <li>- Tựa đầu phía trước: 01 bộ</li> <li>- Dây đai an toàn phía trước: 01 bộ</li> <li>- Gương chiếu hậu bên ngoài: 02 chiếc</li> <li>- Gương chiếu hậu bên trong: 01 chiếc</li> <li>- Chấn năng phía trước: 02 chiếc</li> <li>- Gạt mưa: 02 cái phía trước</li> <li>- Sấy kính phía trước: 01 bộ</li> <li>- Rửa kính phía trước (bình chứa dung dịch và cơ cấu phun dung dịch) : 01 bộ</li> <li>- Kịch xe : 01 bộ</li> <li>- Lớp dự phòng: 01 chiếc</li> <li>- Bộ dụng cụ tiêu chuẩn kèm theo xe (gồm tuýp mở lốp và tay kịch) : 01 bộ</li> <li>- Sách hướng dẫn sử dụng: 01 bộ</li> <li>- Hộp để đồ: 01 bộ</li> <li>- Ốp lazăng bánh xe: 01 bộ</li> <li>- Ắng ten lắp phía trước xe: 01 bộ</li> </ul> <p><b>C. TRANG THIẾT BỊ CỨU THƯƠNG ĐÃ BAO GỒM</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đèn tín hiệu cấp cứu loại dài trên nóc xe: 01 bộ</li> <li>- Âm ly: 01 bộ</li> </ul>
--	---

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Còi hú và loa đặt cố định trên nóc xe: 01 bộ</li> <li>- Cáng chính với đai an toàn có khoá và bánh xe tự gập chân khi lên xuống xe: 01 bộ</li> <li>- Cáng phụ: 01 Chiếc</li> <li>- Ghế ngồi cho nhân viên y tế (4 chỗ) : 01 bộ</li> <li>- Đèn trần trong khoang bệnh nhân: 01 bộ</li> <li>- Móc treo truyền dịch: 02 cái</li> <li>- Chũ thập cấp cứu trước, sau và hai bên: 01 bộ</li> <li>- Bình cứu hoả: 01 cái</li> <li>- Hệ thống kệ tủ chứa thiết bị y tế bằng gỗ công nghiệp chịu nước: 01 bộ</li> <li>- Vách ngăn giữa khoang lái và khoang bệnh nhân bằng gỗ công nghiệp chịu nước: 01 bộ</li> <li>- Hệ thống cung cấp oxy gồm bình 10 lít, đồng hồ đo áp lực oxy và bộ làm ẩm: 01 bộ</li> <li>- Máy thở dùng cho xe cứu thương: 01 cái</li> </ul> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE hoặc tương đương.</p> <p><b>+ Cấu hình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Máy chính tích hợp pin: 01 chiếc</li> <li>• Dây nguồn: 01 chiếc</li> <li>• Bộ đổi nguồn cắm điện 220V: 01 chiếc</li> <li>• Dây thở người lớn: 01 chiếc</li> <li>• Mặt nạ thở người lớn: 01 chiếc</li> </ul> <p><b>+ Thông số kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Mode thở IPPV (thông khí nhân tạo điều khiển áp lực dương ngắt quãng) và mode Assisted Control (thở trợ giúp kiểm soát). Kèm chức năng CPR.</li> <li>• Thể tích khí lưu thông: 75 - 2000ml</li> <li>• Nhịp thở: 5 – 40 bpm</li> <li>• Tỉ số thở vào:thở ra 1:1.67</li> <li>• Thể tích phút (Minute Volume MV): 3~ 20lpm</li> <li>• Giới hạn áp lực: 20 – 60 mbar</li> <li>• Trigger ở &lt; -2 mbar</li> <li>• Dải PEEP: 5 – 20 mbar</li> <li>• Cảnh báo khi bệnh nhân ngưng thở</li> <li>• Trọng lượng: ≤1.3kg (máy chính chưa kèm dây thở và các phụ kiện khác)</li> <li>• Xếp hạng IP: IPX4 (bảo vệ khỏi nước xối với một lượng thể tích nhất định)</li> <li>• Pin sạc cho phép hoạt động 10 giờ</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vali cấp cứu: 01 Cái</li> <li>- Máy hút dịch: 01 cái</li> </ul> <p><b>+ Cấu hình chuẩn:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• 01 Máy chính</li> <li>• 01 Bình chứa dịch 1000ml với hệ thống van chống tràn</li> </ul>
--	---

		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dây silicone có thể hấp tiệt trùng 6x10 + đầu nối hình nón Ø 8-9-10 mm</li> <li>• Bộ lọc chống nhiễm khuẩn &amp; chống thấm nước (trên 1 bệnh nhân)</li> <li>• Ống thông CH20</li> <li>• Adapter thông dụng AC/DC</li> <li>• Adapter xe hơi 12V</li> <li>• 01 Sách hướng dẫn sử dụng</li> </ul> <p><b>+ Thông Số Kỹ Thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Motor: Bơm pittông không dầu, không cần bảo dưỡng</li> <li>• Cấp nguồn: 14V -- 4A với adapter AC/DC 100-240V ~ 50-60Hz – 100VA</li> <li>• hoặc pin sạc bên trong (Pin PB 12V-4A) Thời gian tự hoạt động <math>\geq 80</math> phút – Thời gian sạc <math>\leq 4</math> giờ hoặc adapter xe hơi (12V—1,9A)</li> <li>• Phân loại ISO 10079-1</li> <li>• Chân không tối đa (có thể điều chỉnh) khoảng-0.75Bar –75kPa –563mmHg</li> <li>• Tốc độ lưu thông khí tự do tối đa <math>\geq 16</math> lít/phút</li> <li>• Độ ồn <math>\leq 63,0</math> dBA</li> <li>• Chu kỳ hoạt động: Liên tục</li> <li>• Trọng lượng khoảng: <math>\leq 4,55</math> Kg (đóng gói cả phụ kiện)</li> <li>• Kích thước khoảng: 35 x 21 x 18 cm</li> <li>• Thích hợp cho các trường hợp khẩn cấp và điều trị hậu phẫu trong chăm sóc sức khỏe tại nhà. Có 3 tùy chọn khác nhau khi hoạt động: adapter AC/DC, pin sạc và 12V, là 1 máy hút đa năng hoạt động liên tục không gây quá nhiệt. Cảnh báo bằng hình ảnh và âm thanh chỉ báo mức pin thấp.</li> </ul>
--	--	---

**\* Ghi chú:**

- Yêu cầu đặc tính kỹ thuật quy định trong bảng trên là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, ký mã hiệu, nhãn hiệu hàng hóa khác có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn miễn là nhà thầu có thuyết minh giải trình và chứng minh mặt hàng dự thầu có tính năng, thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn so với yêu cầu quy định tại mục này.
- Hàng hóa chào thầu phải đảm bảo và nêu rõ ký mã hiệu (nếu có), nhãn mác sản phẩm (nếu có), tên nhà sản xuất, nguồn gốc xuất xứ.
- Nhãn hiệu, mã hiệu hàng hóa nêu trong E-HSMT (nếu có) chỉ mang tính tham khảo

và minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa, không phải tiêu chuẩn đánh giá, nhà thầu có thể dự thầu hàng hóa của hãng khác. Trường hợp nhà thầu dự thầu có nhãn hiệu khác so với E-HSMT thì nhà thầu phải đảm bảo hàng hóa dự thầu có đặc tính kỹ thuật, có tính năng sử dụng tương đương hoặc tốt hơn với các hàng hóa yêu cầu.

- “Tương đương” có nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương với các hàng hóa đã nêu trên.

### **1.3. Các yêu cầu khác**

Nhà thầu phải cam kết:

- Hàng hóa đảm bảo đúng chủng loại, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hợp pháp đảm bảo chất lượng mới 100%, chưa qua sử dụng.

- Thời gian bảo hành là 36 tháng hoặc 100.000 km đầu tiên tùy vào điều kiện nào đến trước đối với xe cứu thương. Bảo hành 12 tháng đối với thiết bị y tế theo xe.

- Có giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, đại lý phân phối hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương đối với Máy thở dùng cho xe cứu thương.

**Mục 2: Bản vẽ:** Không có.

### **4. Kiểm tra và thử nghiệm**

- Kiểm tra đặc tính kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT trước khi nghiệm thu.
- Thử nghiệm: Theo quy định.